

Bản án số: 34/2019/HSST
Ngày 27/11/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THƯỜNG XUÂN, TỈNH THANH HÓA

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An;

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hà Thị Hoà;

Bà Lê Thị Liên;

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đình Tú - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Xuân tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Hùng — Kiểm sát viên;

Ngày 27 tháng 11 năm 2019. Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 29/2019/HSST ngày 30/10/2019; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2019/QĐXXST – HS ngày 13/11/2019. Đối với

+ CÁC BỊ CÁO:

1. Bùi Văn T (tên gọi khác: H) - sinh ngày 12/6/1999;

Nơi cư trú: Thôn T T , xã X C , huyện T X , tỉnh T H ;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Mường; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con bà: Bùi Thị T ; Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không. Tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/8/2019 đến nay. Hiện có mặt tại phiên tòa.

2. Hoàng Ngọc D - sinh năm 1993.

Nơi cư trú: Thôn T N, xã L T , huyện T X , tỉnh T H ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Hoàng Ngọc A và bà Lưu Thị H ; Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: không; Tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/8/2019 đến nay. Hiện có mặt tại phiên tòa.

+ NGƯỜI BẢO CHỮA CHO BỊ CÁO BÙI VĂN T:

1. Ông: Trịnh Đình Hợp – Trợ giúp viên pháp lý của Chi nhánh trợ giúp số 6 thuộc TTTGPL Nhà nước tỉnh Thanh Hóa.(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

+ NHỮNG NGƯỜI LÀM CHỨNG:

1. Anh Trịnh Ngọc H – sinh năm 1985.

2. Anh Vũ Hoàng Q – sinh năm 1985.

Đều trú tại: Thôn T N , xã L T , huyện T X , tỉnh T H .

3. Bà Bùi Thị T – sinh năm 1960

Trú tại: Thôn T T , xã X C , huyện T X , tỉnh T H .

Những người làm chứng vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 16 giờ 20 phút, ngày 02/8/2019 tổ Công tác Công an huyện TX phối hợp với Ban Công an xã LT tổ chức tuần tra tại thôn TN, xã LT phát hiện và bắt quả tang thu giữ trên người của Bùi Văn T, sinh năm 1999, trú tại: Thôn TT, xã XC, huyện TX 01(một) gói nilon trong suốt kích thước 2x2cm, bên trong có chứa tinh thể màu trắng dạng đá. Bùi Văn T khai nhận chất màu trắng bên trong gói nilon là ma túy đá.

Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản phạm tội quả tang và thu giữ 01(một) gói nilon trong suốt kích thước 2x2cm, bên trong có chứa tinh thể màu trắng dạng đá; 01 điện thoại di động OPPO màu trắng đã qua sử dụng; 01 xe máy nhãn hiệu Dream II HONDA màu nâu đen, biển kiểm soát 36H2 – 7512 xe đã qua sử dụng.

Tại bản kết luận giám định số 1853/PC09, ngày 05/8/2019 của Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận: Chất tinh thể dạng đá của phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy có khối lượng: 0,185g(không phẩy một tám năm gam) loại Methamphetamine.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Bùi Văn T, Hoàng Ngọc D khai nhận hành vi phạm tội của mình như sau:

Trưa ngày 02/8/2019 khi T đang ở nhà thì Hoàng Ngọc D gọi điện thoại di động nhờ T đến lấy hộ chiếc điện thoại của D để quên tại nhà nghỉ TT thuộc thôn LT, xã LT, huyện TX, Bùi Văn T đồng ý. Sau khi mượn được chiếc xe mô tô biển kiểm soát 36H2 – 7512 của mẹ đẻ là bà Bùi Thị T, T đi đến nhà nghỉ TT lấy điện thoại đem về đưa cho D. Ngồi chơi một lúc D nói với T “ta góp tiền chung mua ma túy đá về sử dụng”, T nói không có tiền nên Hoàng Ngọc D đưa cho Bùi Văn T số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) để đi mua ma túy về sử dụng. T cầm tiền rồi điều khiển xe mô tô 36H2 – 7512 đi đến khu vực cầu Làng M thuộc thôn HL xã TX, huyện TX mua 01 gói ma túy trị giá 300.000đ với một người đàn ông mà T chỉ biết mặt nhưng không biết tên và địa chỉ. Sau khi mua được ma túy Bùi Văn T bỏ vào trong túi quần trước bên trái và điều khiển xe máy đi về. Khi về đến thôn TN, xã LT, huyện TX thì bị tổ tuần tra Công an huyện Thường Xuân kiểm tra phát hiện trong túi quần trước bên trái của Bùi Văn T có 01(một) gói ma túy đá nên đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ toàn bộ số vật chứng như đã nêu ở trên.

Biết Bùi Văn T bị bắt nên khoảng 18 giờ cùng ngày Hoàng Ngọc D đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thường Xuân đầu thú khai nhận về hành vi phạm tội của mình và giao nộp 01 điện thoại NOKIA 105 màu đen đã qua sử dụng.

Vật chứng vụ án gồm:

- Toàn bộ bao gói niêm phong hoàn mẫu giám định do Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa phát hành, bên trong có chứa 0,141g (không phải một bốn một gam) loại Methamphetamine.

- 01 điện thoại di động OPPO màu trắng đã qua sử dụng; 01 điện thoại NOKIA 105 màu đen đã qua sử dụng.

Vật chứng của vụ án được thể hiện tại biên bản bàn giao vật chứng giữa cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thường Xuân và Chi cục thi hành án dân sự huyện Thường Xuân lập ngày 30/10/2019.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Dream II HONDA màu nâu đen, biển kiểm soát 36H2 – 7512 xe đã qua sử dụng, là xe của bà Bùi Thị T (mẹ đẻ) cho Bùi Văn T mượn, khi cho mượn bà T không biết Bùi Văn T dùng xe làm phương tiện đi mua ma túy. Do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thường Xuân đã trả lại chiếc xe trên cho bà T.

Đối với người đàn ông đã bán ma túy cho Bùi Văn T, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thường Xuân đã xác minh nhưng chưa xác định được tên tuổi, địa chỉ nên chưa đủ căn cứ để xử lý.

Tại bản Cáo trạng số 35/CT – VKSTX, ngày 29 tháng 10 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Xuân đã truy tố các bị cáo Bùi Văn T, Hoàng Ngọc D về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm c khoản 1,5 Điều 249 BLHS 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo. Đề nghị HĐXX áp dụng điểm c khoản 1,5 Điều 249, Điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 BLHS 2015 đối với Bùi Văn T, Hoàng Ngọc D. Riêng Hoàng Ngọc D được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS 2015. Xử phạt bị cáo Bùi Văn T từ 21 đến 24 tháng tù; Hoàng Ngọc D từ 18 đến 21 tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam; Các bị cáo lao động tự do tại xã vùng kinh tế khó khăn, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; các điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự

- Tuyên tịch thu, tiêu hủy 01(Một) phong bì niêm phong hoàn mẫu giám định bên trong có chứa 0,141g(không phải một bốn một gam) loại Methamphetamine.

- Trả lại cho Bùi Văn T 01 điện thoại di động OPPO màu trắng đã qua sử dụng; trả lại cho Hoàng Ngọc D 01 điện thoại NOKIA 105 màu đen đã qua sử dụng.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng đã truy tố đối với các bị cáo, lời luận tội của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa, trong phần tranh luận các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì.

Tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo Bùi Văn T đồng ý với quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Xuân và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm s khoản 1,2 Điều 51 BLHS cho bị cáo được hưởng mức án khởi điểm của khung hình phạt. Đó là trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối hận về hành

vi của bản thân; bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế khó khăn, nhận thức pháp luật hạn chế.

Căn cứ vào các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án cơ quan điều tra, cơ quan truy tố, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Bùi Văn T, Hoàng Ngọc D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án; Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố, lời luận tội của Kiểm sát viên, lời khai của người chứng kiến, kết luận giám định và kết quả tranh luận tại phiên tòa hôm nay, thể hiện:

Trưa ngày 02/8/2019, Hoàng Ngọc D gọi điện thoại nhờ T đến lấy hộ chiếc điện thoại của D để quên tại nhà nghỉ TT. T đi đến nhà nghỉ TT lấy điện thoại đem về đưa cho D. D nói với T “*ta góp tiền chung mua ma túy đá về sử dụng*”, do T không có tiền nên D đưa cho T số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) để đi mua ma túy về sử dụng. T cầm tiền rồi điều khiển xe mô tô 36H2 – 7512 đi đến khu vực cầu Làng M thuộc thôn HL xã TX, huyện TX mua 01 gói ma túy trị giá 300.000đ với một người đàn ông mà T không quen biết. Sau khi mua được ma túy Bùi Văn T bỏ vào trong túi quần trước bên trái và điều khiển xe máy quay về thì bị tổ tuần tra Công an huyện Thường Xuân kiểm tra phát hiện bắt quả tang lập biên bản thu giữ trong túi quần của T đang mặc 01 (một) gói ma túy dạng đá có khối lượng: 0,185g (không phải một tám năm gam) loại Methamphetamine. Biết Bùi Văn T bị bắt nên khoảng 18 giờ cùng ngày Hoàng Ngọc D đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thường Xuân đầu thú khai nhận về hành vi phạm tội của mình. Hành vi nêu trên của các bị cáo T, D đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” được quy định tại điểm c khoản 1,5 Điều 249 BLHS 2015. Cáo trạng đã trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Xuân đã truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ và chính xác.

[3] Xét tính chất, mức độ của vụ án và vai trò của từng bị cáo trong vụ án thì thấy:

Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của các bị cáo Bùi Văn T, Hoàng Ngọc D là nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, bởi lẽ hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước, các bị cáo ý

thức được tác hại của ma túy đối với sức khỏe và đời sống xã hội cũng như sự ngăn cấm của pháp luật, nhưng các bị cáo đã coi thường pháp luật, thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, làm ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an và an toàn xã hội tại địa phương. Do vậy hành vi của các bị cáo cần phải được xử lý nghiêm để răn đe, phòng ngừa chung.

Xét tính chất mức độ hành vi của từng bị cáo thì thấy: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có sự phân công hoặc cấu kết chặt chẽ từ trước. Các bị cáo Bùi Văn T và Hoàng Ngọc D đều là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, vì vậy các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi do mình đã gây ra. Xét về vai trò của từng bị cáo trong vụ án này thì thấy bị cáo D là người chủ động rủ rê bị cáo T thực hiện hành vi phạm tội, lẽ ra bị cáo T phải tích cực ngăn cản bị cáo D từ bỏ ý định phạm tội, nhưng bị cáo không những không ngăn cản mà lại tiếp nhận ý chí của đồng phạm và là người thực hành tích cực. Vì vậy các bị cáo phải cùng chịu trách nhiệm hình sự.

[4] Xét nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo thì thấy:

Về nhân thân: Các bị cáo Bùi Văn T, Hoàng Ngọc D có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng TNHS: không có.

Về tình tiết giảm nhẹ TNHS:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã thành khẩn khai báo; bị cáo bị D ngay sau khi hành vi phạm tội bị phát hiện đã đến cơ quan Cảnh sát điều tra huyện TX để đầu thú hành vi phạm tội của mình. Vì vậy cần áp dụng điểm s, khoản 1,2 Điều 51 BLHS để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để các bị cáo thấy rõ sự khoan hồng của pháp luật.

[5] Phân tích quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Tư: Tại phiên tòa hôm nay người bào chữa cho bị cáo T đồng ý với quan điểm buộc tội của Viện kiểm sát và đề nghị HĐXX áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo T tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS, xử bị cáo một mức án khởi điểm của khung hình phạt. Xét đề nghị của người bào chữa về mức hình phạt áp dụng và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 1 Điều 51 BLHS là có căn cứ nên được HĐXX chấp nhận.

[6] Về đề nghị của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa đề nghị áp dụng đối với các bị cáo: Về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt, án phí và xử lý vật chứng mà đại diện Viện kiểm sát đã có ý kiến đề nghị. Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật, do đó đề nghị của đại diện Viện kiểm sát được HĐXX chấp nhận.

[7] Về hình phạt: Từ những căn cứ phân tích nêu trên cần áp dụng điểm c, khoản 1,5 Điều 249; điểm s, khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38, 58 BLHS 2015. Xử phạt các bị cáo một mức án tương xứng với tính chất mức độ, hành vi của các bị cáo gây ra và cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều là người lao động tự do ở xã thuộc vùng kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[8] Về xử lý vật chứng:

- 01(Một) phong bì niêm phong hoàn mẫu giám định bên trong chứa 0,141g(không thấy một bốn một gam) loại Methamphetamine, đây là vật Nhà nước cấm lưu hành. Cần áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự, tuyên tịch thu, tiêu hủy toàn bộ số vật chứng trên.

- 01 điện thoại di động OPPO màu trắng đã qua sử dụng; 01 điện thoại NOKIA 105 màu đen đã qua sử dụng. Đây là tài sản của các bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội. Cần áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự, tuyên trả lại số tài sản trên cho các bị cáo.

Toàn bộ số vật chứng này được thể hiện như biên bản bàn giao vật chứng giữa cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thường Xuân và Chi cục thi hành án dân sự huyện Thường Xuân lập ngày 30/10/2019.

[9] Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1.Căn cứ điểm c, khoản 1 Điều 249; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 BLHS 2015 đối với Bùi Văn T, Hoàng Ngọc D. Bị cáo Hoàng Ngọc D được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

Tuyên bố: Các bị cáo Bùi Văn T, Hoàng Ngọc D phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Xử phạt:

- Bùi Văn T 21 (hai mươi một) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 02/8/2019.

- Hoàng Ngọc D 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 02/8/2019.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; các điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự

- Tuyên tịch thu, tiêu hủy 01(Một) phong bì niêm phong hoàn mẫu giám định bên trong có chứa 0,141g(không thấy một bốn một gam) loại Methamphetamine.

- Trả lại cho Bùi Văn T 01 điện thoại di động OPPO màu trắng đã qua sử dụng; trả lại cho Hoàng Ngọc D 01 điện thoại NOKIA 105 màu đen đã qua sử dụng.

Toàn bộ số vật chứng này được thể hiện như biên bản bàn giao vật chứng giữa cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thường Xuân và Chi cục thi hành án dân sự huyện Thường Xuân lập ngày 30/10/2019.

3. Về án phí và các vấn đề khác: Áp dụng khoản 2 Điều 135, Điều 331, Điều 333 Bộ luật TTHS 2015; khoản 1 Điều 21; các điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14. Buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ(Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai có mặt các bị cáo; Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND huyện Thường Xuân;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- Các bị cáo;
- Người bào chữa;
- Trại tạm giam CA tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Thường Xuân;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Thường Xuân
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Sở tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu HSVA;

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị An